Tuần 34

Ôn tập phép cộng, trừ trong phạm vi 10

Ôn tập các số trong phạm vi 100

Ôn tập phép cộng, trừ trong phạm vi 100

I. Phần trắc nghiệm.

Chọn câu trả lời đúng:

Câu 1. Số?

$$\boxed{10} - \boxed{5} - \boxed{?} = \boxed{3}$$

A. 0 **B.** 1 **C.** 2 **D.** 3

Câu 2. Số **32** gồm:

A. 3 chục và 2 đơn vị **B.** 2 chục và 3 đơn vị

C. 3 chục và 1 đơn vị **D.** 2 chục và 5 đơn vị

Câu 3. Trong bảng các số từ **1** đến **100**, số đứng sau số **78** là:

A. 76 **B.** 77 **C.** 79 **D.** 80

Câu 4. Trong các số **54, 62, 34, 39**; số lớn nhất là:

A. 54 **B.** 62 **C.** 34 **D.** 39

Câu 5. Phép tính thích hợp là:

$$\boxed{?}\ \boxed{?}\ \boxed{?} = \boxed{13}$$

A. 11 + 4 **B.** 87 − 52 **C.** 48 − 25 **D.** 98 − 85

Câu 6. Phép tính thích hợp là:

$$\boxed{80} > \boxed{?}\ \boxed{?}\ \boxed{?} > \boxed{78}$$

A. 21 + 58 **B.** 87 − 11 **C.** 87 − 25 **D.** 35 + 64

Câu 7. Bác An trồng tất cả 26 cây bưởi và cây cam, trong đó có 12 cây bưởi. Vậy, Bác An trồng số cây cam là:

A. 38 cây cam **B.** 24 cây cam **C.** 14 cây cam **D.** 32 cây cam

LIVEWORKSHEETS

II. Phần tự luận.

Bài 1. Số?

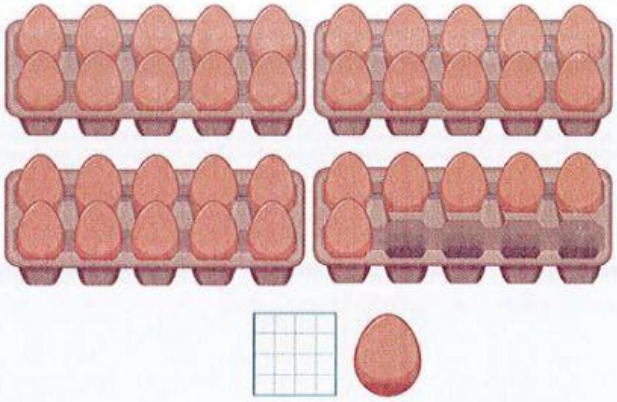

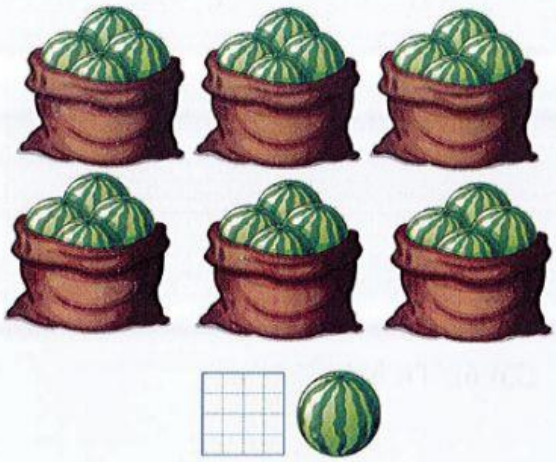

Bài 2. Viết (theo mẫu):

Đọc số	Viết số	Chục	Đơn vị
sáu mươi tư	64	6	4
ba mươi tư			
bảy mươi ba			

Đọc số	Viết số	Chục	Đơn vị
tám mươi			
hai mươi mốt			
chín mươi lăm			

Bài 3. Tính nhẩm:

6 + 3 = ☐ 5 + 2 = ☐ 7 − 6 = ☐ 8 − 2 = ☐

60 + 30 = ☐ 50 + 20 = ☐ 70 − 60 = ☐ 80 − 20 = ☐

Bài 4. > ; < ; = ?

6 + 4 ☐ 10 3 + 5 ☐ 4 + 2 55 − 5 ☐ 31 + 25

70 ☐ 90 − 40 11 + 65 ☐ 79 − 1 99 − 33 ☐ 22 + 44

LIVEWORKSHEETS

Bài 5. Đặt tính rồi tính:

32 + 5 76 − 22 69 − 22 40 + 56 98 − 8

Bài 6. Tính:

35 + 12 + 2 = 76 − 31 − 45 = 84 − 42 + 26 =

13 + 14 + 61 = 65 − 30 − 5 = 77 + 12 − 68 =

Bài 7. Trên cây có 7 con bọ cánh cam. Có 2 con bay đi mất. Hỏi trên cây còn lại mấy con bọ cánh cam?

Phép tính:

Trả lời:

Trên cây còn lại con bọ cánh cam.

Bài 8. Lan có 27 quả bóng bay. Nam có 22 quả bóng bay. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu quả bóng bay?

Phép tính:

Trả lời:

Cả hai bạn có tất cả quả bóng bay.

LIVEWORKSHEETS